TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 115/2019/QĐST-HNGĐ	*Nghi Lộc, ngày 05 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1994; Nơi cư trú: xóm L, xã N, huyện N, tỉnh N.
- Anh Hoàng Ngọc V, sinh năm 1993; Nơi cư trú: xóm L, xã N, huyện N, tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và Hoàng Ngọc V lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 01 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh N. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh V là hôn nhân hợp pháp.

Chị N và anh V đều thừa nhận: sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được Hòa giải viên Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng vợ chồng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Vợ chồng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh V là hoàn toàn tự nguyện, không

trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh V.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Trần Phúc Tài, sinh ngày 04-9-2015, vợ chồng thỏa thuận anh V trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 100.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Xét, thỏa thuận của chị N và anh V là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị N và anh V thỏa thuận chị Ngân chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Xét thỏa thuận các đương sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và Hoàng Ngọc V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Hoàng Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Hoàng Trần Phúc Tài, sinh ngày 04-9-2015. Chị Ngân cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1000.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu chị Nlạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung. Anh V cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị N chịu 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005605 ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An**.**

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ VDS

THẨM PHÁN

Vũ Đức Thúy